

1TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 – LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2026/DS-ST

Ngày: 05-02-2026

V/v tranh chấp hợp đồng

vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bá Đình Tâm
- Ông Nguyễn Đức Toàn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bá Văn Nhân, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu 13 - Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Khánh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2025/TLST-DS, ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2026/QĐST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Minh C, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã B, tỉnh Lâm Đồng

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã B, tỉnh Lâm Đồng

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã B, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh C trình bày: Bà và bà Nguyễn Thị Hồng P là chỗ quen biết nên ngày 25/6/2021, bà Nguyễn Thị Hồng P có đến nhà bà C để vay số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Đến ngày 31/1/2024, bà P tiếp tục đến gặp bà C vay thêm số tiền 1.244.000.000 đồng (một tỷ hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng). Tổng số tiền bà Nguyễn Thị Hồng P vay của bà Nguyễn Thị Minh C là 2.244.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng). Trong quá trình vay bà P có trả cho bà C số tiền 244.000.000 đồng, nên số tiền bà Nguyễn Thị Hồng P còn nợ bà Nguyễn Thị Minh C là 2.000.000.000 đồng. Đây là khoản nợ của bà P và chồng là ông Nguyễn Ngọc H vì khi vay bà P có nói với ông H và mục đích bà P vay tiền để làm ăn phục vụ nhu cầu của gia đình nên bà C yêu cầu vợ chồng bà P, ông H phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền trên cho bà. Ngoài ra, khi vay bà P có đưa cho bà C một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin cho nhau nên bà và bà P tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án.

Nay bà Nguyễn Thị Minh C khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Ngọc H phải trả cho bà số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), không yêu cầu tính tiền lãi.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày:* Ngày 25/6/2021, bà P có đến nhà bà Nguyễn Thị Minh C vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Đến ngày 31/1/2024, tiếp tục vay thêm số tiền 1.244.000.000đ (Một tỷ hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng). Tổng số tiền bà Nguyễn Thị Hồng P vay của bà Nguyễn Thị Minh C là 2.244.000.000 đồng. Trong quá trình vay bà P có trả cho bà C số tiền 244.000.000 đồng, nên số tiền còn nợ bà P còn nợ là 2.000.000.000 đồng. Bà xác định đây là khoản nợ của vợ chồng bà, mục đích vay để cho người khác vay lãi hưởng chênh lệch để kiếm thêm thu nhập, sinh hoạt trong gia đình thiết yếu trong gia đình.

Nay bà Nguyễn Thị Hồng P đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Minh C số tiền 2.000.000.000 đồng, không trả tiền lãi. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà có đưa cho bà C để làm tin với nhau nên bà và bà C tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc H: Vắng mặt và không có ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án, tiến hành lập hồ sơ, hoà giải, Toà án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời gian giải quyết vụ án đảm bảo đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên toà hôm nay, phiên toà tiến hành đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 86, 227 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72, 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Hồng P và ông Nguyễn Ngọc H phải liên đới trả số tiền 2.000.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Minh C, không yêu cầu tính lãi. Bà Nguyễn Thị Hồng P và ông Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh C khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P, có địa chỉ ở thôn B, xã B, tỉnh Lâm Đồng phải có nghĩa vụ trả số tiền 2.000.000.000 đồng cho bà. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp “Tranh

chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu 13 - Lâm Đồng.

[2] Về việc vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc H: Ông Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh C và bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P đều thừa nhận vào ngày 25/6/2021, bà Nguyễn Thị Hồng P có đến nhà bà C để vay số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Đến ngày 31/1/2024, bà P tiếp tục đến gặp bà C năn nỉ vay thêm số tiền 1.244.000.000 đồng (một tỷ hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng), nói rằng đang kẹt, vay đỡ một thời gian sẽ trả lại. Tổng số tiền bà Nguyễn Thị Hồng P vay của bà Nguyễn Thị Minh C là 2.244.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng). Trong quá trình vay bà P có trả cho bà C số tiền 244.000.000 đồng, nên số tiền còn nợ bà Nguyễn Thị Minh C là 2.000.000.000 đồng. Bà P xác nhận đây là khoản nợ chung của vợ chồng bà và đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Minh C tiền 2.000.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, ông H và bà P là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 31/12/2003, mặc dù tại giấy mượn tiền ngày 25/6/2021 và ngày 31/1/2024 chỉ có một mình bà P ký và ghi họ tên. Tuy nhiên, thời điểm bà P vay tiền của bà C thì ông H và bà P vẫn đang trong thời kỳ hôn nhân, bà P trình bày bà mượn tiền để làm ăn phục vụ kinh tế trong gia đình, ông H có biết việc bà vay tiền người khác để đi cho vay lãi để hưởng chênh lệch lãi suất. Như vậy, thể hiện bà P vay mượn tiền là để làm ăn, nuôi con, phát triển kinh tế, tạo ra nguồn thu nhập, phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình nên ông Nguyễn Ngọc H phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Nguyễn Thị Hồng P trả số tiền là 2.000.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Minh C là phù hợp với quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Minh C yêu cầu kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, vợ chồng bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Ngọc H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do Bộ luật Dân sự quy định, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bà C để tuyên trong phần quyết định của bản án cho phù hợp.

[5] Ngoài ra, các đương sự đều trình bày bà Nguyễn Thị Hồng P có đưa cho bà Nguyễn Thị Minh C giữa 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin và việc này các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh C được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Hồng P và ông Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Minh C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh C.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng P và ông Nguyễn Ngọc H phải liên đới trả số tiền là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) cho bà Nguyễn Thị Minh C, không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng P và ông Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 72.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Minh C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Minh C tiền 36.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 007144 ngày 30 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/02/2026). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 13 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**



Đặng Xuân Ngọc